

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng
Năm 2019

Tiếp nhận Công văn số 668/TTT-NV4 ngày 18/10/2019 của Thanh tra tỉnh V/v báo cáo nội dung phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm 2019; Công văn số 683/TTT-VP ngày 28/10/2019 của Thanh tra tỉnh V/v xây dựng báo cáo tổng kết công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2019;

Sở Tài chính Ninh Thuận báo cáo kết quả với các nội dung như sau:

I. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng:

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương:

Căn cứ Kế hoạch số 653/KH-UBND ngày 25/2/2019 của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019; Chương trình số 260-CTr/TU ngày 05/3/2019 của Tỉnh Ủy Ninh Thuận về Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng năm 2019. Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 708/KH-STC ngày 18/3/2019 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019.

Nhằm triển khai có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng đến toàn thể cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan, cũng như triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật. Sở Tài chính đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức, như: Gửi tài liệu, văn bản qua mạng nội bộ cho toàn thể cán bộ, công chức và người lao động nghiên cứu; phổ biến lồng ghép trong các buổi sinh hoạt “Ngày pháp luật” theo tinh thần Chỉ thị số 33/2010/CT-UBND ngày 27/12/2010 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện “Ngày pháp luật” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, qua đó giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người lao động trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

2.1. Công khai, minh bạch trong hoạt động:

Nhằm nâng cao tính chủ động, minh bạch trong chi tiêu đúng tiêu chuẩn, định mức trong quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp và triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của chính phủ

quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Sở Tài chính đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 01/QĐ-STC ngày 02/01/2019 về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của Sở Tài chính Ninh Thuận.

Tăng cường, nâng cao chất lượng, công tác thanh tra, kiểm tra, tránh chồng chéo, hình thức, nặng nề, gây phiền hà cho đơn vị được thanh tra; Trong thanh tra, kiểm tra đặc biệt chú trọng việc công khai trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan đơn vị trong tỉnh, các lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm có nhiều dư luận về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, kịp thời chấn chỉnh sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý và xử lý nghiêm sai phạm; kết luận thanh tra kịp thời, xử lý nghiêm sai phạm đối với các đơn vị gây thất thoát, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Những vụ việc chưa đến mức xử lý hình sự thì phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật gắn với trách nhiệm của người đứng đầu nhằm ngăn chặn kịp thời tham nhũng vặt xảy ra.

Trên cơ sở Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh V/v công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2019; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019; Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017; Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận và công khai theo đúng quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 v/v Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách như: niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố trên website của Sở Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 và Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019, Sở Tài chính ban hành Báo cáo số 979/BC-STC ngày 12/4/2019 về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương Quý 1/2019; Báo cáo số 1903/BC-STC ngày 15/7/2019 V/v Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019; Báo cáo số 2781/BC-STC ngày 15/10/2019 V/v Báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương Quý III năm 2019 và công bố công khai trên website của Sở Tài chính.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác công khai, minh bạch Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh sớm ban hành công văn gửi UBND các huyện, thành phố V/v thực hiện công khai Ngân sách nhà

nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Tiếp tục thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản chi hành chính và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác. Trong mua sắm tuân thủ đúng quy định nhà nước, quy định của cơ quan bảo đảm thiết thực – tiết kiệm – hiệu quả.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản liên quan đến chế độ, định mức, tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực tài chính, cụ thể:

- Quyết định số 96/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh V/v Quy định mức thu tiền sử dụng sử dụng khu vực biển năm 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 97/2018/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh V/v Ban hành Quy định trình tự lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm đối với nguồn vốn đầu tư ngân sách xã quản lý trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 98/2018/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh V/v Phê duyệt Phương án giá tiêu thụ nước sạch và ban hành biểu giá nước sạch của Công ty cổ phần Thành Trung – Ninh Thuận.

- Quyết định số 100/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc UBMĐTQ Việt Nam tỉnh, Ban Tư vấn thuộc UBMTTQVN các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 101/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về Quy định một số nội dung và mức chi đối với các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 104/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xô số kiến thiết ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh V/v Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực tài chính.

- Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh về các tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quy

định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông cho các lực lượng tham gia công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận.

2.3. Việc cán bộ, công chức nộp lại quà tặng: Sở Tài chính ban hành Báo cáo số 351/BC-STC ngày 12/02/2019 V/v sử dụng tài sản công, tặng quà và nhận quà tặng không đúng quy định trong dịp tết Kỷ Hợi 2019.

2.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức: Tiếp tục thực hiện Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

2.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức nhằm phòng ngừa tham nhũng: Trong giai đoạn báo cáo, Sở Tài chính chưa ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác.

2.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Sở Tài chính đã triển khai cho các đối tượng cán bộ, công chức thuộc đối tượng phải kê khai có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản. Cuối năm 2018, đã tiến hành kê khai thu nhập 37/37 người (đạt tỷ lệ 100%) và tiến hành niêm yết kết quả kê khai (Báo cáo số 3600/BC-STC ngày 27/12/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về Kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018; Thông báo số 3601/TB-STC ngày 27/12/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản của cán bộ, công chức năm 2018) theo đúng quy định.

2.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức,

đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Trong kỳ, Sở tài chính không có tham nhũng xảy ra nên không phát sinh nội dung này.

2.8. Việc thực hiện cải cách hành chính:

Trên cơ sở Kế hoạch số 3052/KH-STC ngày 12/11/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2019, Sở Tài chính đã có Báo cáo số 548/BC-STC ngày 04/03/2019 về Kết quả công tác cải cách hành chính Quý I/2019; 1498/BC-STC ngày 4/6/2019 về Kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2019; 1848/BC-STC ngày 9/7/2019 về Kết quả công tác cải cách hành chính tháng 7/2019; 2169/BC-STC ngày 9/8/2019 về Kết quả công tác cải cách hành chính tháng 8/2019; 2367/BC-STC ngày 04/9/2019 về Kết quả công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm 2019; 2770/BC-STC ngày 14/10/2019 về Kết quả thực hiện công tác tháng 10/2019 cụ thể như:

- Triển khai thực hiện Quy trình một cửa, quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

- Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ công chức phòng Quản lý ngân sách, Văn phòng Sở, phòng Quản lý Giá - Công sản và Tài chính đầu tư.

- Ban hành Quyết định số 67/QĐ-STC ngày 04/9/2019 về việc phân công nhiệm vụ Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tài chính.

- Ban hành Kế hoạch số 347/KH-STC ngày 01/02/2019 của Sở Tài chính về công tác quy hoạch vào chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Sở Tài chính giai đoạn 2019-2025.

- Quyết định số 21/QĐ-STC ngày 15/3/2019 của Sở Tài chính về Phê duyệt danh sách quy hoạch chức danh trưởng, phó phòng giai đoạn 2019-2025.

- Thực hiện tinh giản 01 biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

- Trong hoạt động, thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ngành và đoàn thể; có kế hoạch công tác, phân công trách nhiệm cụ thể, quy định thời gian hoàn thành nhiệm vụ; tập trung chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm đối với những nhiệm vụ quan trọng, đồng thời xử lý kịp thời các vấn đề có tính cấp bách của địa phương.

- Ban hành Quyết định tiếp nhận và điều động 01 công chức.

- Ban hành Quyết định bổ nhiệm phụ trách kế toán Sở Tài chính.

- Cử công chức tham gia các lớp: Thanh tra viên chính, Trung cấp lý luận chính trị, tập huấn nghiệp vụ đấu thầu; tập huấn Thông tư 132/2018/TT-BTC, tập huấn sử dụng phần mềm phục vụ hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công; tập huấn ISO; tập huấn hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực kho bạc nhà nước; tập huấn liên chính và phòng chống tham nhũng.

- Tiếp tục áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong cơ quan Sở Tài chính, tăng cường thực hiện việc gửi báo cáo, thông tin nội bộ qua mạng và hoàn thiện

trang Web của Sở.

- Tiếp tục triển khai hệ thống Tabmis trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Ngày 26/8/2019, ban hành các Quyết định: số 63/QĐ-STC về Quy chế làm việc; số 64/QĐ-STC về Nội quy cơ quan; số 65/QĐ-STC về Quy chế Thi đua khen thưởng; số 66/QĐ-STC Quy chế Văn thư – lưu trữ của Sở Tài chính.

- Đang thực hiện chuyển đổi 03 đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 27/5/2019, 191/QĐ-UBND ngày 27/5/2019; 57/QĐ-UBND ngày 21/2/2019 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ: Có 128 cơ quan, đơn vị trực thuộc: (gồm 40 đơn vị cấp tỉnh và 88 đơn vị cấp huyện): thực hiện cơ chế tự chủ, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công, ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

- Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: Có 318 cơ quan, đơn vị trực thuộc (gồm 34 đơn vị cấp tỉnh và 284 đơn vị cấp huyện): thực hiện cơ chế tự chủ, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công, ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

2.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Mọi thông tin liên hệ, giải quyết công việc được thực hiện qua TDOffice của Sở Tài chính và trang Hồ sơ công việc của UBND tỉnh góp phần nâng cao tính kịp thời, minh bạch trong giải quyết công việc.

2.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản: Mọi khoản chi trả cho cán bộ, công chức và người lao động trong Sở Tài chính 100% đều được thực hiện qua tài khoản cá nhân đã mở tại Ngân hàng.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ: Không.

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng: Không.

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không.

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không.

- Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng: Không.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra: Sở Tài chính không có đơn vị trực thuộc nên không tiến hành thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra: Không có.

II. Đánh giá tình hình tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng và dự báo tình hình:

1. Đánh giá tình hình tham nhũng: Sở Tài chính không phát sinh hiện tượng tham nhũng.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng: Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo kịp thời nên không có tham nhũng phát sinh tại Sở Tài chính.

3. Dự báo tình hình tham nhũng: Không.

III. Phương hướng nhiệm vụ của công tác phòng, chống tham nhũng năm tiếp theo:

- Hoàn tất các dự thảo Nghị quyết về các chế độ chính sách do Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phục vụ kỳ họp giữa năm 2019.

- Tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

- Tiếp tục có ý kiến về phương án tự chủ về tài chính đối với các đơn vị trực thuộc các Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch.

- Tổ chức thẩm tra phương án và có ý kiến về phương án tự chủ về tài chính đối với các đơn vị trực thuộc các Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếp tục theo dõi việc thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Ninh Thuận, Công ty cổ phần công trình đô thị Ninh Thuận.

- Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020

- Cập nhật thông tin và bài viết cho trang Web Sở, Duy trì mô hình ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của UBND tỉnh; hỗ trợ Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố duy trì ổn

định đường truyền để phục vụ công tác Tabmis.

- Nâng cao công tác cải cách hành chính, từng bước xây dựng cụ thể hóa các thủ tục hành chính theo hướng nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động, nhất là công khai minh bạch trong mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, quản lý tài chính và sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn tiền huy động từ nhân dân, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức thực hiện dự án đầu tư, việc thu hồi, chuyển đổi mục đích...

- Nghiêm túc thực hiện công bố công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng về các vụ việc tiêu cực, tham nhũng được phát hiện, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị khi xảy ra tham nhũng trong quá trình thanh tra, kiểm tra (nếu có).

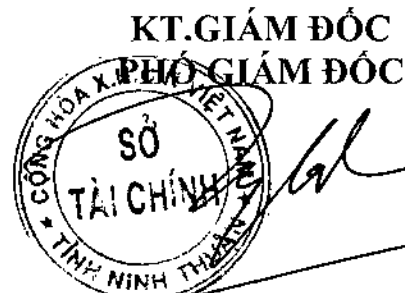
- Chủ động cập nhật, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài chính. Góp phần hạn chế tình trạng sai sót ở các đơn vị, nâng cao hiệu quả trong quản lý và điều hành ngân sách.

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Luật PCTN năm 2018 khi có yêu cầu.

Trên đây là nội dung công tác phòng chống tham nhũng năm 2019 của Sở Tài chính./.

Nơi nhận

- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr .PNHT.



Hồ Trọng Luật

Kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

I. Kết quả chỉ đạo thực hiện:

1/ Việc minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018:

a/ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Số văn bản chỉ đạo của cấp ủy đảng: 01.
- Số văn bản chỉ đạo của cấp chính quyền: 01.

b/ Kết quả kê khai tài sản, thu nhập:

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: Không.
- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị chậm tổ chức việc kê khai: Không.
- Tổng số người phải kê khai: 37 người
- Tổng số người phải kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý: 03 người (chiếm 8,11%)
- Số người đã thực hiện kê khai: 37 người (đạt 100%)
- Số người chậm thực hiện kê khai: 0 người.

c/ Kết quả công khai bản kê khai và giải trình việc kê khai:

- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết: 37 bản
- Số người được yêu cầu giải trình rõ việc kê khai tài sản, thu nhập: Không.

d/ Kết quả xác minh tài sản, thu nhập: Không.

đ/ Xử lý vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập: Không.

e/ Đề xuất, kiến nghị: Không.

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Đính kèm theo báo cáo số 2975 /BC-STC ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài chính)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt CB, CC, VC, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ,TC,ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ,TC,ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	1
10	Số cuộc thanh tra kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	7
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	5
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	713,3
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	444
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ,TC,ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ,TC,ĐV	1
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	

Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo			
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	-
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	-
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	-
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	-
Qua điều tra tội phạm			
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	-
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	-
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG			
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	-
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	-
41	Trong đó:		
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	-
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	-
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	-
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	-
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	-
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	-
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	-
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	-
Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được			
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-
50	+ Đất đai	m ²	-
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường			
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-
52	+ Đất đai	m ²	-
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được			
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-
54	+ Đất đai	m ²	-
Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng			
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	-
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	-
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		-
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		-
	+ Tặng Giấy khen		-
57	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng	Người	-
58	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng	Người	-
59	Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của Nghị định 90/2013/NĐ-CP	Đơn	-
60	Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình	Đơn	-
61	Số đơn yêu cầu đã được giải trình	Đơn	-

Ghi chú: Số liệu dòng 15 + 16: Số phát sinh giai đoạn từ 16/12/2018 – 31/10/2019 (Không tính các năm trước, không tính khoảng không phải sai phạm)